

# PHÁT KHỞI BỒ TÁT THÙ THẮNG CHỈ NHẠO KINH

## Tập 1

*Người giảng: Lão Pháp sư Tịnh Không*  
*Địa điểm: Thư Viện Phật Giáo Hoa Tạng*  
*Cản dịch: Vọng Tây cư sĩ*  
*Biên tập: Diệu Hiền cư sĩ*

Chư vị đại đức đồng tu, nhân duyên của ngày hôm nay rất là thù thắng. Nghi thức thể phát thông thường của nhà Phật đều là cử hành vào buổi sáng, sau khi nghi thức hoàn tất thì tiếp theo là dâng cúng. Hôm nay nghi thức của chúng ta để vào giờ này cử hành, ý nghĩa không phải tầm thường, chính là có mối quan hệ rất mật thiết với bộ kinh này. Thế Tôn vì chúng ta nói ra bộ kinh này, nếu dùng lời hiện đại mà nói, là vào 3000 năm trước Thế Tôn Ngài đã dự biết hiện tại, tức là ngày hôm nay của 3000 năm sau. Xuất gia tại gia không luận tu học pháp môn nào, Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn, Giáo hạ, thậm chí đến Tịnh Độ đều có thể thành tựu. Nguyên nhân này rốt cuộc là ở chỗ nào?

Bồ Tát Di Lạc rất là từ bi thay chúng ta khái thỉnh, nhờ Thế Tôn vì chúng ta tường tận khai đạo. Nếu như chúng ta có thể chiếu theo giáo huấn của bộ kinh này, tử mĩ mà thể hội, mà phản tỉnh, cải lỗi tự làm mới, quay đầu là bờ, thì việc đã tu, việc đã hành ở ngay trong một đời này quyết định có thể có thành tựu. Đây là nhân duyên lần này chúng ta giảng kinh. Bởi vì thời gian không quá nhiều, cho nên kinh văn lần này chúng ta chọn lấy phần trọng yếu để giới thiệu, có thể xem hiểu được, một số danh từ thuật ngữ trong giảng đường thường hay giảng nói chúng ta thầy đều đem nó tỉnh lược đi. Nhưng trước khi giảng vào kinh, trước tiên đem bộ kinh này đơn giản giới thiệu qua.

Chúng ta in ra có một giảng nghĩa, bộ kinh này là một phần trong bộ kinh Đại Bảo Tích, cho nên trước tiên phải đem bộ kinh Đại Bảo Tích này sơ lược giới thiệu qua. Đại sư Ngẫu Ích nói: “*thỉ tụng Hoa Nghiêm, chung đại Niết Bàn*”, câu nói này đã bao gồm toàn bộ 49 năm giảng kinh nói pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Nhất thiết Bồ Tát pháp tạng giai xưng phương đẳng*”, cho nên phạm vi của phương đẳng rất là rộng lớn.

Ý nghĩa của “phương” là nói phương tiện. Trong nhà Phật thường nói: “từ bi vi bản, phương tiện vi môn”, Phật nói ra tất cả kinh pháp đều là pháp phương tiện, còn pháp chân thật nói không ra được. Giảng đến chân thật rồi, thường nói “ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”, do đó có thể nói ra đều là pháp phương tiện.

“Đẳng” là ý nghĩa bình đẳng, cùng ý nghĩa của “bình đẳng giác” trên đề kinh kinh Vô Lượng Thọ là như nhau, do đó phương đẳng là đại biểu cho toàn bộ Phật pháp. Thế nhưng tổ sư đại đức xưa nay, đem một đời giáo học của Thế Tôn phân làm năm giai đoạn, Phương Đẳng là thuộc về thời thứ ba. Chỗ này liền có ý nghĩa đặc biệt.

“*Kim cánh tưu đại thừa trung biệt thủ độc bị đại cơ giả danh Hoa Nghiêm bộ*”. Cho nên đối tượng của kinh Hoa Nghiêm là người căn tánh thượng thượng thừa, 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ trong kinh đã nói chính là đương cơ của Hoa Nghiêm. Nếu như nói “*dung thông không hữu*”, không và có không hai, tánh tướng là một, vậy thì nói những pháp này gọi là Bát Nhã bộ, đó là trí tuệ chân thật mới có thể đem chân tướng sự thật thấy được rõ ràng. Khai quyền hiển thật gọi là Pháp Hoa. “*Thùy diệt đàm thường danh Niết Bàn bộ*”. Khi Thích Ca Mâu Ni Phật hóa duyên đã tận, Ngài thị hiện vào Niết Bàn, dặn bảo sau cùng, Ngài nhắc nhở chúng ta tu học phải nên từ chỗ nào mà bắt tay vào? Những giáo huấn này đều là ở trong bộ Niết Bàn. Đây là bốn giai đoạn của pháp đại thừa.

“*Kỳ dư nhược hiển, nhược mật hoặc đối tiểu minh đại*”, đối tiểu thừa mà dạy đại thừa. “*Hoặc phiếm minh chư Phật Bồ Tát nhân quả sự lý hành vị*”. Hành là tu hành, vị là quả vị sở chứng. Thí dụ Bồ Tát có 51 vị thứ, thập tín vị, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, đây là thuộc về vị. Trí đoạn, trí là trí tuệ, đoạn là đoạn phiền não, đoạn vô minh. Nói đến đoạn, nhất định phải khai trí tuệ. Sức định chỉ có thể phục phiền não, không thể đoạn phiền não, đoạn phiền não nhất định phải khai trí tuệ. “*Giai thử Phương Đẳng bộ thâu*”, do đây có thể biết nội dung trong Phương Đẳng rất là rộng lớn. “*Phi đồng lưu tục, ngoại truyền duy vị, bát niên trung sở thuyết dã*”. Thông thường gọi đây là năm thời thuyết giáo, cái ý này thì rất là nhỏ hẹp. Phương Đẳng nói ở chỗ này cùng với ý nghĩa mà Thiên Thai nói là không giống nhau. Phương Đẳng này là bao gồm tất cả kinh giáo mà Thế Tôn đã giảng trong 49 năm, bởi vì kinh Đại Bảo Tích là thuộc về bộ Phương Đẳng, cho nên trước tiên đem ý nghĩa của Phương Đẳng giới thiệu qua một chút.

Kinh Đại Bảo Tích có 49 hội 77 phẩm, mỗi một hội là một bộ kinh. Vậy thì do đây có thể biết, Đại Bảo Tích tức là các kinh tập hợp lại làm thành một đĩnh bản, nội dung trong đó rất là phong phú. Việc phiên dịch không phải do một người mà là rất nhiều người, cho nên nói trước sau, trong các quý thầy, có người phiên dịch một hội, cũng có người dịch hai hội, ba hội, cho nên có rất nhiều người dịch. Trước thời nhà Đường chưa có đem nó thu tập lại, do đó mà lưu thông riêng từng bộ. Kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh Độ chúng ta cũng ở trong bộ Đại Bảo Tích, vào triều nhà Đường dịch ra chính là hội thứ năm của kinh Bảo Tích, đây là hội vô lượng thọ của Kinh Vô Lượng Thọ.

“*Đường triều Bồ Đề Lưu Chi*”. Vào thời đại của Võ Tắc Thiên, Ngài đi đến Trung Quốc, xem thấy gần như bộ phận lớn kinh Bảo Tích đều đã được dịch ra nhưng không hoàn chỉnh, thế là Ngài trùng tân những thứ nào mà các thầy trước chưa dịch ra và đem toàn bộ những kinh này phiên dịch ra. Ngài đã làm thành 36 hội, 39 quyển, sau đó đem những bản dịch của các pháp sư trước thầy đều kết tập lại. Từ trước các pháp sư đã dịch được 23 hội 81 quyển, thế là đem nó kết hợp lại, chính là một bộ hoàn chỉnh kinh Bảo Tích, hiện tại chúng ta có thể xem thấy trong Đại Tạng kinh. Dường như Đài Loan cũng có in riêng một bản để lưu thông, tổng cộng nó có 49 hội 120 quyển, đó là toàn bản của kinh Đại Bảo Tích.

Cái gì gọi là “Bảo Tích”? Chỗ này phía sau có một giải thích. “*Pháp bảo chi tập tích dã vi đại thừa thâm diệu chi pháp cố mục chi vi bảo*”. Thực tế mà nói, trong một bộ kinh lớn này đã thu tập đến 49 bộ. Bốn mươi chín hội này chính là 49 bộ kinh, mỗi một bộ đều thâm diệu không thể nghĩ bàn cho nên thí dụ nó là bảo. “*Vô lượng pháp môn nhiếp tại thử trung*”, cho nên gọi nó là Tích, ý nghĩa là tụ hợp lại. “*Bảo Tích Kinh luận nhất viết*”, nhất là một quyển. “*Bảo Tích Kinh Luận*” là chú giải của kinh này, thế nhưng không hoàn toàn, nó chỉ có bốn quyển, người nào chú giải cũng không biết vì đã thất truyền rồi, thế nhưng luận văn này có thu ở trong Đại Tạng kinh, có giải thích đơn giản đối với đề kinh.

Ngài nói: “*đại thừa pháp bảo trung, nhất thiết chư pháp sai biệt giả, bị tận nhiếp thủ cố danh Bảo Tích*”. Từ ngay câu này, chúng ta có thể biết được một cách đại khái ý nghĩa của đề kinh này. Đây là đơn giản đem Phương Đẳng, bộ Phương Đẳng của kinh Bảo Tích giới thiệu ra. Phía sau là người dịch kinh. Vừa rồi mới nói người phiên dịch kinh này rất nhiều, chúng ta cũng không cần mỗi mỗi giới thiệu ra, chúng ta chỉ riêng giới thiệu người kết tập nó lại là Bồ Đề Lưu Chí. Bồ Đề Lưu Chí là dịch âm từ tiếng Phạn, dịch thành ý nghĩa của tiếng Trung Quốc là Giác Ai. Bồ Đề là Giác, Lưu Chí là Ai, ý nghĩa là Giác Ai. Ngài là người Nam Thiên Trúc, vào lúc đó Ấn Độ gọi là Thiên Trúc, chính là người Nam Ấn Độ, đến lúc Đường Võ Hậu, thời đại của Võ Tắc Thiên thì Ngài đến Trung Quốc, dịch Tam Tạng Kinh, Ngài là Pháp sư Dịch kinh. “*Khai nguyên thích giáo lục cửu viết*”, thích giáo lục là mục lục của kinh điển Phật giáo, trong mục lục có giới thiệu đơn giản là “*Sa môn Bồ Đề, Lưu Chí bốn danh, Đạt Ma Lưu Chí*”. Tên đầy đủ của Ngài là Đạt Ma Lưu Chí, Đạt Ma là pháp, Lưu Chí là ý nghĩa hy hữu, cho nên tên của Ngài chính là pháp hy hữu, cái ý là như vậy.

“*Thiên hậu cải thành Bồ Đề Lưu Chí*”. Thiên hậu là Võ Tắc Thiên, Võ Tắc Thiên đại khái hiềm tên này của Ngài ý nghĩa không tốt, bà tâm huyết mời Ngài vào triều đổi lại tên của Ngài, đổi thành Giác Ai, Bồ Đề Lưu Chí là tên mà Võ Tắc Thiên đặt cho Ngài. “*Đường ngôn Giác Ai, nam Ấn Độ nhân*”, “*Tổng Cao Tăng truyện tam viết, thích Bồ Đề Lưu Chí nam Thiên Trúc quốc nhân, tịnh hạnh Bà La môn chủng tánh Ca Diếp thị*”. Vậy thì các vị nếu như muốn tường tận hơn một chút, có thể xem Cao Tăng Truyện. Tổng Cao Tăng truyện là Cao Tăng Truyện tập thứ ba, trong đó có truyện ký của Ngài. Chúng ta đơn giản giới thiệu đến chỗ này.

Phía sau là nội dung của bốn kinh sơ lược cũng làm giới thiệu. “*Thử kinh nãi đại, Bảo Tích kinh đệ cửu thập nhất chí cửu thập nhị quyển*”. Cho nên kinh văn này tổng cộng có hai quyển, có thượng hạ hai quyển. Ở trong kinh Đại Bảo Tích, quyển thượng là quyển 91, quyển hạ là quyển 92. “*Phát thắng chí lạc, hội đệ nhị thập ngũ tam Pháp Tạng, sư Bồ Đề Lưu Chí phụng triệu trạch*”. Chử triệu này là thánh chỉ của Võ Tắc Thiên, vâng lệnh Hoàng đế để phiên dịch. “*Duyệt tạng tri tân, tương toàn kinh nội, dung phân tác thập, ngũ đoạn giới thiệu*”. “*Duyệt tạng tri tân*” là đại sư Ngẫu Ích làm, là tác phẩm của đại sư Ngẫu Ích. Đại sư Ngẫu Ích xem thấy bộ kinh này, đã đem bộ kinh này

phân làm 15 đoạn, nội dung của mỗi một đoạn giới thiệu ở phía sau. Đoạn thứ nhất là “Phật tại Lộc Uyển”, chính là vườn Lộc dã. “*Dữ thiên Tỳ Kheo, ngũ bách Bồ Tát cư*”. Phía trước phân ra phần tựa và chánh tông phần, ở trong “Duyệt tạng tri tân” không có, đó là bởi vì chúng ta giảng bộ kinh này, vì thấy sự tiện lợi mà nêu ra, thêm nó vào, chính là kinh mở ba phần. Vậy thì đoạn thứ nhất cùng đoạn thứ hai đều là thuộc về phần tựa. Đoạn thứ nhất là thông tựa, đoạn thứ hai là phát khởi tựa của quyển kinh.

“*Hữu chư Bồ Tát, nghiệp chướng thâm trọng, nghi hoặc thoái chuyển, Di Lặc Bồ Tát, úy vấn linh thiện*”, đây là đoạn thứ hai. Cho nên vừa mở đầu đoạn này liền biết được vì sao nói kinh này. Đối với người học Phật hiện tại chúng ta mà nói rất là quan trọng. Chúng ta đích thực là Bồ Tát ngu si nghiệp chướng sâu nặng! Mọi người đều đã thọ Bồ Tát giới rồi nên đều là Bồ Tát, đây chính là bản kinh này đã nói.

Đoạn thứ ba là phần chánh văn của bản kinh này. “*Hữu lục thập nhân, tùy cần chỉ Phật*”. Thuận theo khuyến cáo của Bồ Tát Di Lặc, sáu mươi người này liền cùng với Bồ Tát Di Lặc đến gặp Thích Ca Mâu Ni Phật. Sau khi nhìn thấy [Thích Ca Mâu Ni Phật], họ rất hổ thẹn, thiện căn phát sinh, sát đất rơi lệ. Phật an ủi họ, bảo họ đứng dậy, nói với họ là: chúng con ngày trước tạo ác nghiệp hủy báng pháp sư, nhiều đời nhiều kiếp chịu khổ, tương lai nghiệp này báo hết rồi, nhất định sanh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Vậy thì do đây có thể biết, những người này nhiều đời nhiều kiếp về trước đều đã học qua pháp môn Tịnh Độ, đều niệm qua A Di Đà Phật, chỉ là nghiệp chướng quá nặng nên không thể vãng sanh, chịu hết mọi khổ não ở trong sáu cõi.

Đoạn thứ tư là “*thử chư Bồ Tát, tùy phát thập tam, hoằng thệ Phật tán án chi*”. Mười sáu vị Bồ Tát này là hy hữu, số người không nhiều. Sau khi nghe Phật khai đạo rồi, họ chân thật sám hối, hồi đầu hồi lỗi tự làm mới, “*phát ra mười ba hoằng thệ*”. Sau khi Phật nghe rồi rất tán thán đối với họ.

Đoạn thứ năm: “*Di Lặc nhân vấn, mạt thế Bồ Tát, thành tựu cơ pháp, an ổn đắc thoát*”. Câu hỏi này rất quan trọng, thời kỳ mạt pháp chính là thời đại hiện tại này của chúng ta, thời đại hiện tại này chúng ta phải nên thành tựu mấy loại pháp mới có thể an ổn, thoát khỏi sáu cõi luân hồi, thoát khỏi biển khổ sanh tử?

Đoạn thứ sáu: “*Phật đáp dĩ nhị chủng tứ pháp*”. Hai loại tứ pháp này chính là đoạn thứ sáu và đoạn thứ bảy. Loại tứ pháp thứ nhất này là “*bất cầu tha quá thất*”, đây là điều thứ nhất. “*Diệc bất cử nhân tội*”, đây là điều thứ hai. “*Ly thô ngữ xan tham, thị nhân đương giải thoát*”. Vào thời kỳ mạt pháp, bốn loại này là quan trọng, nhất định phải tuân thủ, phải làm cho được. Phật nói xong bốn pháp này, lại nói thêm bốn pháp. Bốn pháp này chính là đoạn thứ bảy đã nói. “*Đương xả u giải đãi*”, đây là thứ nhất. “*Viễn ly chư hội náo*”, hội náo là náo nhiệt, ưa thích náo nhiệt đó là chướng ngại rất lớn. “*Tịch tịnh thường tri túc*”, phải giữ lấy bốn pháp này. “*Thị nhân đương giải thoát*”, đây là nói với chúng ta tu hành vào thời kỳ mạt pháp cần phải đầy đủ hai loại bốn pháp

này (tức là tám loại pháp) thì chúng ta mới có thể bình bình an an đạt được hiệu quả của tu học, đạt đến mục tiêu của tu học.

Đoạn thứ tám: “*Thứ minh vô bố, vọng tâm hành pháp, thí thời thành nhị, thập lợi hựu nhị thập lợi*”. Hai mươi cái lợi này là hai loại 20 lợi, tức 40 lợi ích. Phải dùng cái tâm không hy vọng để tu pháp bố thí.

Đoạn thứ chín là nói thời kỳ mạt pháp vô số ác nghiệp lỗi lầm, hoàn toàn là nói rõ hiện tượng xã hội hiện tại này của chúng ta, cho đến tình hình của người tu hành, sau khi đọc rồi chân thật là nổi cả da gà. Thế Tôn cách chúng ta gần 3000 năm, gần 3000 năm trước mà có thể đem tình hình tu hành hiện tại của chúng ta thấy được rất rõ ràng, đây chân thật gọi là “*nhân duyên quả báo không hề sót lọt*”.

Đoạn thứ 10 là “*thứ minh huệ hạnh Bồ Tát dữ sơ nghiệp Bồ Tát bất đồng chi tướng*”. Chúng ta cần phải tường tận Bồ Tát huệ hạnh, học bất đắc thì quyết định không thể học Ngài. Cái gì gọi là huệ hạnh? Khai mở được trí tuệ, trong thiền tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, là Pháp Thân Đại Sĩ mà trong đại thừa pháp chúng ta thường hay nói đến. Pháp Thân Đại Sĩ mới là Bồ Tát huệ hạnh, cũng chính là thường nói: “*phá một phẩm vô minh, chứng một phần pháp thân*”, người như vậy mới là Bồ Tát huệ hạnh. Chưa đến được bước này thì không đủ, bởi vì những hành vi việc làm của Bồ Tát huệ hạnh đã biểu hiện ra rất đặc thù, chúng ta không thể học nổi. Học theo Ngài, người ta là lên Thiên Đường, chúng ta vẫn là phải đọa địa ngục. Chỗ này Phật nói được rất rõ ràng, rất tường tận.

Đoạn thứ mười một: “*thứ minh sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát lợi dưỡng chi quá*”. Danh vọng lợi dưỡng, sơ nghiệp là Bồ Tát mới học, là giai đoạn hiện tại này chúng ta, nhất định phải biết được lỗi lầm của lợi dưỡng. Chỉ cần niệm phải lợi dưỡng thì không chỉ đạo nghiệp của bạn không thể thành tựu, mà nhất định sẽ bị kéo vào A Tỳ địa ngục. Học Phật chưa thành mà trái lại đọa vào A Tỳ địa Ngục, việc này Phật Bồ Tát thật là không muốn xem thấy. Thế nhưng thời kỳ mạt pháp, người như vậy quá nhiều, quá đông, cho nên cái đoạn kinh văn này rất dài, nói rõ lỗi lầm của lợi dưỡng.

Đoạn thứ mười hai: “*diệc đương quán sát hội náo quá hữu thập nhị thế ngữ quá hữu nhị thập*”. Đến sau cùng sẽ giảng tỉ mỉ tường tận với các vị. “*Thùy miên quá hữu nhị thập chúng vụ quá hữu nhị thập*”. Chúng vụ chính là làm vô số những việc không liên quan gì đến tu hành, hiện tại rất phổ biến! Mọi người đều quên hết rồi! Đại sư Bách Trượng đã từng nói qua: “*Phật môn dĩ vô sự vi hưng vượng*”. Cái đạo tràng này vì sao gọi là hưng vượng? Không việc gì thì gọi là hưng vượng. Sự tình quá nhiều, hương hỏa tràn đầy, tín đồ náo nhiệt, đó là tướng suy của nhà Phật, không phải là hưng thịnh. Tại vì sao vậy? Không có một người nào thành tựu, người tuy là rất nhiều nhưng không có một người khai ngộ, không có một người chứng quả, thậm chí đến không có một người nào có thể vãng sanh, vậy thì thành ở chỗ nào? Chỗ này chúng ta cần phải nhận biết cho rõ ràng.

Đoạn thứ mười ba: “*Phật thuyết bất tu chư hạnh bất đoạn phiền não, bất tập thiên tụng, bất cầu đa văn phi xuất gia giả*”. Chỗ này là trên hình thức của người xuất gia, thực tế mà nói chư Phật Như Lai không thừa nhận họ là đệ tử xuất gia.

Đoạn thứ mười bốn: “*thứ minh lược thuyết hý luận quá hữu nhị thập*”.

Sau cùng, phần sau cùng của phần chánh tông: “*thứ minh phát thập chủng tâm năng sanh cực lạc thế giới*”. Cho nên bộ kinh này cũng là sau cùng quy về Cực Lạc, chúng ta muốn ngay trong một đời này quyết định được sanh Tịnh Độ Di Đà, vậy thì bộ kinh này vô cùng quan trọng đối với chúng ta.

Sau cùng đoạn thứ mười sáu. Đoạn thứ mười sáu này là phần lưu thông. Trong “Tri Tân”, đại sư Ngẫu Ích chỉ nói đến đoạn mười lăm, phía sau vẫn có một đoạn là phần lưu thông của bốn kinh.

Vừa rồi chúng ta đem đại ý của kinh sơ lược giảng giải qua cùng với các vị, tiếp theo chúng ta có thể bắt đầu xem vào kinh văn.

### **Phần Kinh Văn**

“*Như thị ngã văn nhất thời Phật tại Ba La Nại Thành tiên nhân trụ xứ thí Lộc Uyển trung*”. Đây là năm loại trước bên trong của sáu loại thành tựu, tôi nghĩ chúng ta có thể tinh lược. Xứ sở chính là vườn Lộc Dã thường nói. Tôi nghĩ ngay trong đồng tu chúng ta, có lẽ cũng có một số người đến Ấn Độ để tham quan du lịch. Khi đến Ấn Độ bái thánh nếu như xem danh lam thắng cảnh của Phật giáo, vườn Lộc Dã là một nơi quan trọng, nơi mà Thích Ca Mâu Ni Phật đầu tiên độ năm vị Tỳ Kheo. Về sau nơi đây xây dựng một Tinh xá, thế là ở nơi đây Phật cũng đã giảng rất nhiều kinh điển.

“*Dĩ đại tỳ kheo chúng mãn túc thiên nhân phục hữu ngũ bách chư Bồ Tát chúng*”. Đây là thành tựu thứ sáu, “chúng thành tựu”. Tham gia pháp hội lúc đó có 1500 người. Đây là đoạn thứ nhất.

Đoạn thứ hai là biệt tựa, chính là phát khởi bộ kinh này. “*Thị thời chúng trung đa hữu Bồ Tát*”. Đây chính là nói đa số Bồ Tát trong 500 vị Bồ Tát. Vậy thì do đây có thể biết, những vị Bồ Tát này không phải là Bồ Tát thông thường, đại khái họ đều là cổ Phật tái sanh, cố ý làm ra thị hiện này để Bồ Tát Di Lạc đến thỉnh pháp, để Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giáo huấn. Họ đã phạm phải những lỗi lầm mà chính là hiện tại chúng ta đã phạm phải. Các Ngài đến để biểu diễn, đây là từ bi đến cùng tột. Vậy thì họ có những lỗi lầm nào?

“*Nghiệp chướng thâm trọng chư căn ám độn*”. Câu này là tổng thuyết, tóm lại một câu mà nói là “nghiệp chướng sâu nặng”. Nghiệp là gì vậy? Nghiệp nếu dùng lời hiện tại mà nói thì chính là hoạt động tạo tác. Những hoạt động này chướng ngại trí tuệ đức năng vốn sẵn có trong tự tánh thì gọi nó là nghiệp chướng, cái nghiệp chướng này quá sâu quá nặng cho nên trí tuệ đức năng của chúng ta không thể hiện tiền. “*Chư căn ám*

*độn*”, chur căn là sáu căn, sáu căn không thông minh, mắt tuy là có thể thấy nhưng luôn luôn là thấy sai đi sự việc, tai tuy là có thể nghe nhưng không hề nghe ra được ý nghĩa chân thật, đây là chỉ căn tánh không nhạy bén.

Phía sau biệt thuyết có mười hai câu. Mười hai câu này chính là nội dung của bốn kinh, mỗi một điều phía sau Phật đều giảng tường tận cho chúng ta nghe.

“*Thiện pháp vị thiếu*”. Cái gì gọi là thiện căn? Thiện căn thế pháp là không tham, không sân, không si. Chúng ta nghĩ xem chúng ta có hay không? Nếu như chúng ta có đầy đủ tham, sân, si, vậy thì căn bản chúng ta không có thiện căn. Họ còn có thiện căn, thiện căn ít thì còn được, chúng ta không có thiện căn, vậy thì làm sao được? Thiện căn của Bồ Tát là tinh tấn, còn chúng ta mỗi ngày giải đãi, lười biếng.

“*Hiếu ư hội náo*”. Cái hội này là hôn hội, thông thường chúng ta gọi là hò ò. Hội náo chính là hiện tại gọi là hò náo, ưa thích ồn náo. Xã hội hiện tại có rất nhiều nơi vui chơi chính là chốn ồn náo. Xương ca, khiêu vũ đó là ồn náo. Các vị có biết nơi nào gọi là ồn náo? Chính là những nơi vui chơi hiện tại, [họ] ưa thích những chốn này.

“*Đàm thuyết thế sự*”. Phạm vi của thế sự bao hàm rất rộng lớn, trong thế sự còn có tà, còn có chánh. Những thứ nào là chánh chứ? Những điều Khổng Tử, Mạnh Tử đã nói là chánh, đều là thế sự. Thế sự không tốt hay sao? Thế sự không thể ra khỏi ba cõi, cơ bản là phải nên buông bỏ. Tiêu chuẩn của Phật pháp là dạy chúng ta liễu thoát sanh tử ra khỏi ba cõi, cho nên giáo dục của nhà Nho tuy nhiên là tốt, có thể giúp chúng ta được thân người, thậm chí giúp chúng ta lên trời, nhưng không thể giúp chúng ta liễu thoát sanh tử ra khỏi ba cõi. Thế là gì vậy? Là những việc còn ở trong sáu cõi, ưa thích đàm luận những thứ này. Ngày nay, người nước ngoài nói khoa học, nói kỹ thuật cũng là thế sự, nói đến ngoài thái không, ngoài thái không vẫn là ở trong sáu cõi luân hồi, cũng không thể siêu vượt sáu cõi luân hồi, cho nên trong thế sự có chánh có tà. Tà thì đọa ba đường ác, chánh là ba đường thiện, đều gọi là thế sự.

Thứ tư là “*thảm lạc thù miên*”, ham ngủ.

Thứ năm là “*đa chur hý luận*”. Phạm vi của hý luận cũng rất là rộng lớn, thông thường chúng ta nói chuyện chơi vui đùa cũng là hý luận.

“*Quảng doanh chúng vụ*”. Hiện tượng này ở trong xã hội hiện đại quá nhiều quá rộng, doanh là kinh doanh, vụ là sự vụ, quảng là nhiều. Vừa rồi đã nói qua, thiền sư Bá Trượng nói: “*Phật môn dĩ vô sự vi hưng vượng*”, vậy làm sao có thể đa sự chứ! Những thứ nào là đa sự? Chúng ta nêu ra một thí dụ thông thường để nói, pháp hội chính là đa sự, hướng hò những thứ khác. Từ ngay chỗ này trở về sau, Thế Tôn rộng nói, các vị nhất định phải sâu sắc mà thể hội ý của Phật. Tu học của Phật pháp là gì? Trên đề kinh Vô Lượng Thọ nói với chúng ta: thanh tịnh, bình đẳng, giác. Những sự việc này bạn làm quá nhiều thì tâm của bạn làm sao có thể được thanh tịnh? Qua lại quá nhiều thì không thể được thanh tịnh! Sự việc quá nhiều thì làm gì có thể bình đẳng! Một ngày từ

sớm đến tối mê hoặc điên đảo thì làm sao có thể giác ngộ! Những thứ này đều là lỗi lầm của “**quảng doanh chúng vụ**”.

Thứ bảy là “*chủng chủng tham trước*”. Phạm vi này thì quá lớn. Danh vọng lợi dưỡng, năm dục sáu trần v.v... không thể buông bỏ.

Thứ tám là “*vi sở bất ứng*”. Cái họ làm ra đều là việc không nên làm, đều là Phật không cho phép mà họ cứ luôn tạo tác.

Việc thứ chín là “*vọng thất chánh niệm*”. Vọng là hư vọng, cả ngày làm hư vọng, làm mất đi chánh niệm.

Thứ mười là “*tu tập tà huệ*”. Tà huệ chính là ngay trong Phật pháp thường nói thế trí biện thông, không phải trí tuệ chân thật.

Thứ mười một là “*hạ liệt tinh cần*”. Họ cũng rất nỗ lực, một ngày từ sớm đến tối không nghỉ ngơi, bận rộn đến bù đầu bù cổ, bận rộn việc gì vậy? Bận rộn những việc của ba đường. Chữ hạ này chính là ba đường ác, không phải ba đường thiện. “Hạ liệt” là gì vậy? Tham, sân, si, tranh danh đoạt lợi, làm những việc này thì họ rất tinh tấn, dũng mãnh tinh tấn mà làm.

Sau cùng là “*hành mê hoặc hạnh*”. Đây là hiện tượng mặt pháp ngay cửa nhà Phật, bao gồm tại gia, xuất gia, nếu như chúng ta tỉ mỉ phản tỉnh, nếu có những tâm bệnh này thì không luận tu học một pháp môn nào đều không thể có được thành tựu, niệm Phật cũng không thể vãng sanh. Điều kiện của vãng sanh là tâm phải thanh tịnh, tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Thế giới Tây Phương là Tịnh Độ, không phải uế độ, cho nên tâm không thanh tịnh thì làm sao có thể vãng sanh chứ? Mê hoặc không thanh tịnh thì không tương ứng với Tịnh Độ, cho dù tụng kinh nhiều hơn, niệm Phật nhiều hơn nhưng người xưa đã nói: “đau mồm rất họng cũng chỉ uống công”, chỉ có thể kết thiện duyên với Tịnh Độ, ngay đời này không thể vãng sanh. Những việc như thế này không có gì lạ, ngay trong quá khứ chúng ta không biết nên đã làm qua rất nhiều lần. Duyên của chúng ta đối với Tây Phương Tịnh Độ rất sâu rất dày, tại vì sao không thể đi được chứ? Đại khái đều là phạm phải những lỗi lầm này, ngay trong đời quá khứ đời đời kiếp kiếp đã phạm phải những sai lầm này, cho nên niệm Phật không thể vãng sanh. Ngay trong đời này gặp được bộ kinh này, nhân duyên này là hy hữu. Thử nghĩ mà xem, nếu như vẫn phạm những lỗi lầm này thì cả đời này cũng sẽ luống qua, nếu như có thể nỗ lực mà phản tỉnh, thay đổi tự làm mới, quay đầu là bờ thì ngay trong đời này chúng ta quyết định thành tựu.

Mời xem tiếp kinh văn phía sau: “*Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát ma ha tát tại u hội trung kiến chư Bồ Tát cụ túc như thị bất thiện chư hạnh*”. Cái cụ túc này phía trước đã nói qua mười hai điều, họ đều đã phạm phải, thấy đều có, đây gọi là cụ túc. Khi thấy những Bồ Tát này, họ có nhiều lỗi lầm đến như vậy, “*tác thị niệm ngôn*”, trong lòng của Ngài liền nghĩ như vậy: “*thử chư Bồ Tát u vô thượng bồ đề viên mãn đạo phần giai dĩ thoái*



*chuyển*”. Người xưa thường nói: “*sơ phát tâm thành Phật hữu dư*”. Sơ phát tâm đều phát ra thiên tâm, phát ra hảo tâm, do bởi nghiệp chướng sâu nặng, các căn ám độn, cho nên rất dễ thoái chuyển, rất dễ mê hoặc, đặc biệt là danh vọng lợi dưỡng. Người ban đầu phát tâm xuất gia, không có người cúng dường họ, đời sống rất thanh khổ, đạo tâm rất kiên định. Tu hành được vài năm, hơi hơi có được chút thành tựu rồi, danh vọng lợi dưỡng đến, khi vừa đến thì liền bị đọa lạc. Trong có phiền não, bên ngoài có mê hoặc thì họ làm sao mà không đọa lạc? Cho nên thoái chuyển ở đạo bồ đề rồi.

Bồ Tát Di Lặc rất từ bi: “*ngã kim đương linh thị chư Bồ Tát giác ngộ khai nhiều sanh hoan hỷ tâm*”. Chỗ này Bồ Tát Di Lặc đến giúp đỡ, giúp cho những Bồ Tát mê muội này. Chỗ này chúng ta cần phải chú ý. Cái gì gọi là đại từ đại bi? Cái gì gọi là cứu tế bản khổ? Người tu hành không có đạo đó là bản, người tu hành vẫn cứ phạm phải lỗi lầm vậy thì chân thật là khổ. Bồ Tát Di Lặc ở chỗ này hành từ bi cứu tế. Bạn xem ở chỗ này, Ngài làm thế nào để cứu tế những Bồ Tát mê hoặc điên đảo này? Ngài bảo họ khai ngộ, giác ngộ, hiểu ra, chính là phá mê khai ngộ. Giúp đỡ tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ chính là đại từ bi, đây là chân thật cứu tế.

“*Tác thị niệm dĩ*”, Bồ Tát Di Lặc khởi lên cái niệm này. “*Túc ư bồ thời tòng thiên định khởi*”. Bồ thời là sau ngộ. Buổi trưa sau khi dùng trai, Ngài từ trong thiên định ra.

“*Vãng đảo kỳ sở cộng tướng úy vấn phục dĩ trùng trùng nhu nhuyễn ngôn từ vi thuyết pháp yếu linh kỳ hoan hỷ*”. Bồ Tát Di Lặc đích thực rất có trí tuệ, ngày nay chúng ta nói trí tuệ cao độ. Ngài tuyệt nhiên không trách cứ họ, Ngài đến an ủi họ, lời nói nhẹ nhàng đến an ủi họ, để cho họ sanh tâm hoan hỷ có cảm tình đối Bồ Tát, như vậy họ mới có thể tiếp nhận hướng dẫn của Ngài.

“*Nhân cáo chi viết chư nhân giả*”. Chư nhân giả là tôn xưng đối với họ. “*Vân hà như đẳng ư vô thượng bồ đề, mãn đạo phần nhi đắc tăng trưởng bất thoái chuyển da*”. Câu hỏi này rất hay. Ngài không trách cứ họ phạm lỗi, không trách cứ họ thoái chuyển, trái lại còn hỏi là các vị đối với đạo vô thượng bồ đề viên mãn có phương pháp gì làm cho nó thêm lớn mà không hề bị thoái chuyển? Những chỗ này chúng ta đều phải học tập. Bình thường đối nhân xử thế tiếp vật nói chuyện như thế nào: chân thật giúp người giác ngộ, giúp đỡ người thay đổi tự làm mới, không dùng lời nói trách cứ mà dùng lời nói quan tâm, dùng lời nói thương yêu, dùng loại phương pháp dẫn dắt gợi mở. Đây là chỗ chúng ta xem thấy chỗ cao minh của Bồ Tát Di Lặc, cho nên những người này khi nghe được đều rất hoan hỷ.

Bạn xem: “*Thị chư Bồ Tát đồng thanh bạch ngôn tôn giả ngã đẳng kim ư vô thượng bồ đề viên mãn đạo phần vô phục tăng trưởng duy hữu thoái chuyển*”. Những người này đều nói lời thành thật, chúng tôi đối với vô thượng đạo không có thêm lớn, ngày ngày đang thoái chuyển. “Hà dĩ cố”? Tại vì sao ngày ngày chúng ta đang thoái chuyển vậy? “*Ngã tâm thường vi nghi hoặc sở phú*”, Tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi là phiền não lớn nhất của Bồ Tát, là chướng ngại nghiêm trọng của người tu học. Họ có nghi có

hoặc, hoặc là mê hoặc. “*U vô thượng bồ đề bất năng giải liễu*”. Đây là nói đến họ có nghiệp chướng sâu nặng, tuy thường hay nghe Thế Tôn giảng kinh nói pháp nhưng nghe rồi không thể hiểu rõ. Không những không thể hiểu rõ, mà họ còn luôn luôn đem lời của Phật nói nghe sai đi, hiểu sai đi ý nghĩa. Trên kệ khai kinh, chúng ta đọc: “nguyên giải Như Lai chân thật nghĩa”, họ hiểu sai chân thật nghĩa của Như Lai, hiểu sai đi khúc giải chân thật nghĩa của Như Lai. Đây đều là tướng nghiệp chướng sâu nặng.

Phía sau nói được rất hay: “*Vân hà ngã đặng, đương tác Phật da, bất tác Phật da*”. Đây là nêu ra thí dụ cụ thể để nói rõ. Họ thường hay hoài nghi: Chúng ta học Phật, học Phật tốt hay là không học Phật tốt chứ? Làm Phật tốt hay là không làm Phật tốt chứ? Họ thường hay có cái vấn đề này, đó là hoài nghi thiện pháp.

“*U đọa lạc pháp, diệc bất năng liễu*”. Phật giảng qua ba cõi sáu đường, trồng nhân thiện được quả thiện, tạo ác nghiệp nhất định phải chịu ác báo. Phật cũng giảng được rất rõ ràng nhưng họ cũng hoài nghi đối với việc này.

“*Vân hà ngã đặng, đương đọa lạc da, bất đọa lạc da*”. Chúng ta có thể đọa lạc hay không? Chân thật đọa lạc hay là giả đọa lạc? Những nghi vấn này của họ thường hay hiện tiền.

“*Di thị nhân duyên, thiện pháp dục sanh, thường vi nghi hoặc, chi sở phục phú*”. Đương nhiên bất cứ một thời đại nào, bất cứ một chúng sanh nào, không thể nào không có một thiện niệm. Tất cả chúng sanh đều là thiện ác hỗn tạp, chỉ là thiện nhiều ác ít hay là ác nhiều thiện ít, do đó mới hình thành sáu cõi cùng mười pháp giới. Thiện niệm của họ sanh, thế nhưng họ có hoài nghi. Khi hoài nghi thì thiện không thể thành tựu, thế là rất dễ dàng thoái chuyển. Những vị Bồ Tát này đều rất thành thật, rất khó được, họ vẫn có tự biết mình rất rõ ràng, vẫn xem là không tẻ, tuy là họ phạm phải lỗi lầm nhưng vẫn còn cứu được, cho nên Bồ Tát Di Lặc đến cứu họ.

“*Nhĩ thời Di Lặc Bồ Tát nhi cáo chi viết chư nhân giả khả cộng vãng chi Như Lai ứng cúng chánh biến tri sở, nhi bỉ Như Lai nhất thiết tri giả nhất thiết kiến giả cụ túc thành tựu vô chương ngại trí, giải thoát tri kiến dĩ phương tiện lực, thiện tri nhất thiết chúng sanh sở hành đương vi như đặng tùy kỳ căn tánh chủng chủng thuyết pháp*”. Đây cũng là chỗ cao minh của Bồ Tát. Bồ Tát Di Lặc có thể giảng kinh nói pháp với họ hay không? Đương nhiên có thể, nhưng Bồ Tát Di Lặc tại vì sao không nói [pháp với họ] vậy? Bởi vì Ngài là địa vị của Bồ Tát, những người này chưa chắc có thể tin tưởng Ngài giảng kinh nói pháp, cho nên Bồ Tát Di Lặc giới thiệu họ đi gặp Phật. Mọi người nghe đến Phật, đương nhiên không có lời gì để nói, nên họ cùng nhau đi đến nơi Phật ở.

“*Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri*”, đây là ba loại trong mười hiệu của Như Lai, ở chỗ này chúng ta cũng không giải thích cụ thể. “*Nhi bỉ Như Lai nhất thiết tri giả, nhất thiết kiến giả*”, đây là tán thán trí tuệ đức năng của Phật. “*Vô sở bất tri, vô sở bất năng*”. Trên quả vị Phật cụ túc thành tựu, tức là một tí kém khuyết cũng không có, trí tuệ của

Phật là viên mãn, tự tại của Phật là viên mãn, hơn nữa phương pháp của Phật rất xảo diệu, cho nên sức phương tiện giáo huấn chúng sanh khéo cơ khéo lý. Phía trước giảng cụ túc thành tựu không chướng ngại trí, giải thoát tri kiến, đây là lý, Phật thuyết pháp khéo lý.

Lại nói “*thiện tri nhất thiết chúng sanh sở hành*”. Tất cả chúng sanh đời đời kiếp kiếp, bạn tạo ra cái nhân hay quả báo mà bạn đã nhận, Phật đều biết được, cho nên nói pháp liền khéo cơ. Đi gặp Phật, Phật nhất định tùy theo từng loại chúng sanh mà nói pháp, đó là khéo cơ khéo lý.

Kinh văn ba phần, phần tựa phát khởi phải nên đến chỗ này, đây là một cái đoạn lớn, phần tựa ở chỗ này là một cái đoạn lớn. Phía sau là bắt đầu phần chánh tông của bản kinh, phải nên đơn cử một hàng. Lúc sao chép kinh này ra, tôi bảo thầy Ngô Quảng (thầy Ngô Quảng hiện tại không có ở đây) chép ra từ trong Tản Già Tạng, lại nhờ vào Đại Chánh Tạng để phân ra cái đoạn này. Câu đoạn phân ra và chấm phẩy trong Đại Chánh Tạng có rất nhiều vấn đề, thế nhưng kinh văn này các vị vừa xem thì liền hiểu được, bốn chữ một câu, bạn tỉ mỉ mà xem nó, bốn chữ một câu, cho nên không khó đọc tụng.

## PHẦN CHÁNH TÔNG

“*Thị thời ngũ bách chúng trung, hữu lục thập Bồ Tát dữ Di Lặc Bồ Tát vãng nghệ Phật sở ngữ thể thiết địa, đảnh lễ Phật túc bi cảm lưu lệ bất năng tự khởi, Di Lặc Bồ Tát tu kính dĩ tất thoái tọa nhất điện*”. Trong hội lúc đó có 500 Bồ Tát, nhưng trong 500 người chỉ có sáu mươi người nghe lời của Bồ Tát Di Lặc nói, cùng với Bồ Tát Di Lặc đến gặp Thích Ca Mâu Ni Phật. Những vị Bồ Tát này vừa rồi đã nói qua, họ là “đại quyền thị hiện”. Thế là Bồ Tát Di Lặc dẫn những người này đến gặp mặt Thế Tôn. Sau khi hành lễ xong, liền ngồi xuống.

“*Nhĩ thời Phật cáo chư Bồ Tát ngôn, thiện nam tử nhữ đẳng ưng khởi vật phục bi hiệu sanh đại thực nã*”. Sau khi Bồ Tát Di Lặc chí kính xong, thì ngồi một bên. Sáu mươi vị Bồ Tát này quỳ ở đó không đứng dậy, đó là họ rất đau lòng sám hối. Phật xem thấy như vậy cũng an ủi họ, bảo họ không nên quá bị thương, cũng không nên phiền não.

Kinh văn ở chỗ này có một điểm thường thức, thuận tiện cùng nói với các vị. Nếu như phần chánh tông phải từ cái đoạn này mà mở đầu, chính là “nhĩ thời Phật cáo chư Bồ Tát ngôn”, phải từ ngay chỗ này mà mở đầu thì trên đề kinh này có thể thêm vào hai chữ “Phật thuyết”, chính là “Phật Thuyết Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh”. Thêm vào hai chữ Phật thuyết vì là trong phần chánh tông, câu nói thứ nhất là Phật nói, thì thông thường trên đề kinh thêm vào hai chữ “Phật thuyết”. Nếu như phần chánh tông, câu nói thứ nhất không phải là Phật nói, thì thông thường sẽ không thêm vào hai chữ “Phật thuyết” [trong đề kinh]. Cho nên nếu như trong phần chánh tông bắt đầu từ

chỗ “trong chúng 500 người có 60 vị Bồ Tát” thì không thêm vào hai chữ “Phật thuyết” [trong đề kinh]. Nếu như [trong phần chánh tông] nói từ: “nhĩ thời Phật cáo chư Bồ Tát ngôn”, từ ngay chỗ này làm phần chánh tông thì trên đề kinh có thể thêm vào hai chữ “Phật thuyết”. Đây là một chút thường thức. Về sau các vị xem đến kinh điển này, có một số đề kinh có hai chữ “Phật thuyết”, có một số đề kinh không thêm vào hai chữ “Phật thuyết”, vậy nếu không thêm vào hai chữ “Phật thuyết” lẽ nào không phải là Phật nói hay sao? Vẫn là Phật nói thôi, họ thêm “Phật thuyết” hay không thêm “Phật thuyết”, quan hệ chính ngay chỗ này, tức là câu nói thứ nhất trong phần chánh tông là do Phật nói hay là không phải là Phật nói.

Phần sau của đoạn mà Phật khai thị rất là quan trọng, chúng ta phải nên nhận biết.

“*Nhữ u vãng tích tạo tác ác nghiệp*”. Một câu này là tổng thuyết. BẠN ngay trong đời quá khứ tạo tác rất nhiều ác nghiệp nặng nề, đó là những ác nghiệp gì? “*U chư chúng sanh dĩ sùng duyệt tâm*”. Sùng duyệt tâm là rất sung sướng, rất thoải mái. Làm những việc gì vậy?

“*Sân mạ hủy nhục, chương não tổn hại*”, làm tám sự việc này. Đối đãi với một số chúng sanh mạng người, mạng đến chính mình rất sung sướng, tạo ra những ác nghiệp này. “*Tùy tự phân biệt*”. Tùy theo tri kiến phân biệt của chính mình, cũng chính là ngày nay chúng ta nói, làm việc cảm tình, làm càng làm quấy, không nói lý.

“*Bất năng liễu tri, nghiệp báo sai biệt*”. Khi tạo tác những ác nghiệp này, họ không hề biết được nghiệp nhân này có quả báo.

“*Thị cố như đặng, kim vi nghiệp chương, chi sở triền phú*”. Ngày nay các vị tuy là nghe Phật giảng kinh nói pháp, nhưng không hiểu được chân thật nghĩa của Như Lai, đó là nghiệp chương che mắt.

“*U chư thiện pháp, bất năng tu hành*”. Còn đối với ác pháp thì rất dễ dàng tạo tác, thiện pháp thì rất khó tu hành, đây đều là tình huống của nghiệp chương sâu nặng.

“*Thời chư Bồ Tát, văn thị ngữ dĩ, từng địa nhi khởi, thiên đản hữu khiên, hữu thuy trước địa, hiệp chương cung kính, nhi bạch Phật ngôn; thiện tai Thế Tôn, nguyện vi ngã đặng, thuyết thử nghiệp chương, ngã đặng tri tội, đương tự điều phục, ngã từng kim nhật, cảnh bất cảm tác*”.